

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22-3-2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Phan Như Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2022, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H’ Đ, sinh năm 1984 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Y H, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị H’ Đ trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H’ Đ và anh Y H chung sống từ năm 2003, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị H’ Đ và anh Y H xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng nên chị H’ Đ và anh Y H không còn chung sống từ năm 2014 đến nay. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, chị H’ Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Y H.

- *Về con chung*: Chị H' Đ và anh Y H có 03 con chung là Y Q, sinh ngày 10/10/2003; Y' G, sinh ngày 18/8/2010 và Y B, sinh ngày 03/11/2013. Con chung là Y Q đã trên 18 tuổi, có đủ sức khỏe, năng lực tự nuôi sống bản thân, không cần nuôi dưỡng nên chị H' Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H' Đ có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Y'G và Y B đến tuổi trưởng thành. Chị H' Đ không yêu cầu anh Y H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H' Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án anh Y H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Y H và chị H' Đ chung sống từ năm 2003, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh Y H và chị H' Đ xảy ra mâu thuẫn nên anh chị không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Hiện nay anh Y H không còn tình cảm vợ chồng với chị H' Đ nên anh đồng ý ly hôn với chị H' Đ.

- *Về con chung*: Chị H' Đ và anh Y H có 03 con chung là Y Q, sinh ngày 10/10/2003; Y' G, sinh ngày 18/8/2010 và Y B, sinh ngày 03/11/2013. Con chung là Y Q đã trên 18 tuổi, có đủ sức khỏe, năng lực tự nuôi sống bản thân, không cần nuôi dưỡng nên anh Y H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Y H đồng ý giao 02 con là Y' G và Y B cho chị H' Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Y H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị H' Đ chấp hành đúng quy định của pháp luật; anh Y H không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H' Đ được ly hôn anh Y H.

Về yêu cầu nuôi con chung: Con chung Y Q, sinh ngày 10/10/2003 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Giao 02 con chung là Y' G, sinh ngày 18/8/2010 và Y B, sinh ngày 03/11/2013 cho chị H' Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H' Đ không yêu cầu anh Y H đóng góp tiền cấp dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn Chị H' Đ và anh Y H có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị H' Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H' Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Bị đơn là anh Y H có nơi cư trú tại bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H' Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Y H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không có mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H' Đ và anh Y H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H' Đ và anh Y H kết hôn ngày 01/7/2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H' Đ, xét thấy sau khi kết hôn vợ chồng chị H' Đ và anh Y H xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị H' Đ không còn tình cảm với anh Y H, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị H' Đ và anh Y H sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị H' Đ và anh Y H có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị H' Đ và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, yêu cầu ly hôn của chị H' Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có 03 con chung là Y Q, sinh ngày 10/10/2003; Y' G, sinh ngày 18/8/2010 và Y B, sinh ngày 03/11/2013. Chị H' Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung là Y' G và Y B đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Y H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị H' Đ được nuôi cháu Y' G và Y B. Quá trình giải quyết vụ án, anh Y H đồng ý giao 02 con là Y' G và Y B cho chị H' Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, phù hợp với lời khai cháu Y' G và Y B đều có nguyện vọng sống cùng chị H' Đ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Y' G, sinh ngày 18/8/2010 và Y B, sinh ngày 03/11/2013 cho chị H' Đ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H' Đ không yêu cầu anh Y H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với con chung là Y Q, sinh ngày 10/10/2003 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị H' Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003440 ngày 01/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H' Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H' Đ được ly hôn anh Y H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Y' G, sinh ngày 18/8/2010 và Y B, sinh ngày 03/11/2013 cho chị H' Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H' Đ không yêu cầu nên không giải quyết.

Đối với con chung là Y Q, sinh ngày 10/10/2003 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn Chị H' Đ, anh Y H có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H' Đ và anh Y H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H' Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003440 ngày 01/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi